

TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN



Phần I: Một số khái niệm liên quan đến an ninh mạng (1)
(Quy định tại Điều 2, Luật An ninh mạng)



An ninh mạng

Là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Bảo vệ an ninh mạng

Là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.



Không gian mạng

Là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu



Không gian mạng quốc gia

Là không gian mạng do Chính phủ xác lập, quản lý và kiểm soát.



Cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia

Là hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để tạo lập, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên không gian mạng quốc gia



Cổng kết nối mạng quốc tế

Là nơi diễn ra hoạt động chuyển nhận tín hiệu mạng qua lại giữa Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ khác.



Tội phạm mạng

Là hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để phá hoại, gây gián đoạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet,...



Tấn công mạng

Là hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự.



Khủng bố mạng

Là việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.



Gián điệp mạng

Là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, mật mã, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác để chiếm đoạt, thu thập trái phép thông tin, tài nguyên thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet, của cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Tài khoản số

Là thông tin dùng để chứng thực, xác thực, phân quyền sử dụng các ứng dụng, dịch vụ trên không gian mạng.



Nguy cơ đe dọa an ninh mạng

Là tình trạng không gian mạng xuất hiện dấu hiệu đe dọa xâm phạm an ninh quốc gia, gây tổn hại nghiêm trọng trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Sự cố an ninh mạng

Là sự việc bất ngờ xảy ra trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Tình huống nguy hiểm về an ninh mạng

Là sự việc xảy ra trên không gian mạng khi có hành vi xâm phạm nghiêm trọng an ninh quốc gia, gây tổn hại đặc biệt nghiêm trọng trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN



Phần I: Một số khái niệm liên quan đến an ninh mạng (2)
(Quy định tại Điều 2, Nghị định 53/2022/NĐ-CP quy định
chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng)



Dữ liệu về thông tin cá nhân

Là dữ liệu về thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự để xác định danh tính một cá nhân.



Người sử dụng dịch vụ

Là tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng dịch vụ trên không gian mạng.



Dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra

Là dữ liệu về thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự phản ánh qua trình tham gia, hoạt động, sử dụng không gian mạng của người sử dụng dịch vụ và các thông tin về thiết bị, dịch vụ mạng sử dụng để kết nối với không gian mạng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Dịch vụ gia tăng trên không gian mạng

Là dịch vụ viễn thông gia tăng theo quy định của pháp luật.



Người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam

Là tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Dịch vụ trên mạng viễn thông

Là dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông theo quy định của pháp luật.



Dịch vụ trên mạng Internet

Là dịch vụ Internet và dịch vụ cung cấp nội dung trên nền internet theo quy định của pháp luật.



Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng bao gồm:

- a) Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Bộ Công an;
- b) Cục Bảo vệ an ninh Quân đội, Tổng cục Chính trị và Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng thuộc Bộ Quốc phòng.



Doanh nghiệp trong nước

Là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo pháp luật nước ngoài.



Doanh nghiệp nước ngoài

Là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam.



Chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, gồm những trường hợp sau:

- a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- c) Các tổ chức chính trị ở Trung ương;
- d) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án xây dựng, thiết lập, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.



Dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ

Là dữ liệu về thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự phản ánh, xác định mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ với người khác trên không gian mạng.

TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN



*Phần II: Quy định về hệ thống an ninh quốc gia
(Quy định tại Điều 3, Nghị định 53/2022/NĐ-CP
quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng)*

Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm:

1. Hệ thống thông tin quan trọng quốc gia theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

2. Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

3. Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành, điều khiển hoạt động của công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

4. Hệ thống thông tin thuộc các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật An ninh mạng* khi bị sự cố, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt, tấn công hoặc phá hoại sẽ gây ra một trong các hậu quả sau đây:

a) Trực tiếp tác động đến độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, sự tồn tại của chế độ và Nhà nước

b) Gây hậu quả nghiêm trọng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại làm suy yếu khả năng phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc;

c) Gây hậu quả nghiêm trọng đến nền kinh tế quốc dân;

d) Gây thảm họa đối với đời sống con người, môi trường sinh thái;

d) Gây hậu quả nghiêm trọng đến hoạt động của công trình xây dựng cấp đặc biệt theo phân cấp của pháp luật về xây dựng;

e) Gây hậu quả nghiêm trọng đến hoạt động hoạch định chủ trương, chính sách thuộc phạm vi bí mật nhà nước;

g) Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở trung ương.

Ghi chú:

* Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bao gồm:

- a) Hệ thống thông tin quân sự, an ninh, ngoại giao, cơ yếu;
- b) Hệ thống thông tin lưu trữ, xử lý thông tin thuộc bí mật nhà nước;
- c) Hệ thống thông tin phục vụ lưu giữ, bảo quản hiện vật, tài liệu có giá trị đặc biệt quan trọng;
- d) Hệ thống thông tin phục vụ bảo quản vật liệu, chất đặc biệt nguy hiểm đối với con người, môi trường sinh thái;
- đ) Hệ thống thông tin phục vụ bảo quản, chế tạo, quản lý cơ sở vật chất đặc biệt quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia;
- e) Hệ thống thông tin quan trọng phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức ở trung ương;
- g) Hệ thống thông tin quốc gia thuộc lĩnh vực năng lượng, tài chính, ngân hàng, viễn thông, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường, hóa chất, y tế, văn hóa, báo chí;
- h) Hệ thống điều khiển và giám sát tự động tại công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN



Phần III: Quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tuyên truyền Chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên không gian mạng xã hội

Khoản 1, Điều 16,
Luật An ninh mạng 2018

Quy định

Nội dung tuyên truyền
chống Nhà nước Cộng hòa
xã hội chủ nghĩa Việt Nam
bao gồm:

a)

Tuyên truyền xuyên tạc,
phỉ báng chính quyền
nhân dân;



b)

Chiến tranh tâm lý, kích
động chiến tranh xâm
lược, chia rẽ, gây thù
hận giữa các dân tộc,
tôn giáo và nhân dân
các nước;



c)

Xúc phạm dân tộc,
quốc kỳ, quốc huy, quốc
ca, vĩ nhân, lãnh tụ,
danh nhân, anh hùng
dân tộc.



Điều 331 Bộ luật Hình sự 2015

Quy định

Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của
Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân
như sau:



01 Người nào lợi dụng các quyền

Tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín
ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các
quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích
của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ
chức, cá nhân, **thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải
tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù
từ 06 tháng đến 03 năm.**

02 Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến

An ninh, trật tự, an toàn xã hội, **thì bị phạt tù từ
02 năm đến 07 năm.**

Hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình
sự. Tùy vào mức độ hành vi vi phạm mà người phạm tội có thể bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam
giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; hoặc bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN



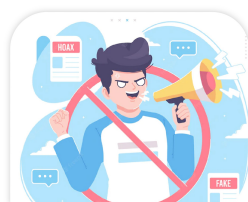
Phần IV: Hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng (1) (quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng)

Cấm đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 16 và hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật An ninh mạng.

Cụ thể

01.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:



a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;

b) Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước;

c) Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vi nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

02. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm:

Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân;

a

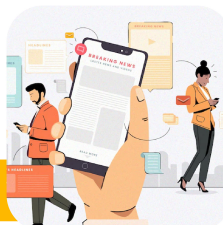
Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

b

03. Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống bao gồm:

a) Xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác;

b) Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.



04. Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế bao gồm:

a) Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá khác;

a)

b) Thông tin bịa đặt, sai sự thật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp, chứng khoán.

b)

05. Thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

06. Hành vi gián điệp mạng; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng bao gồm:

a) Chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

a) Cố ý xóa, làm hư hỏng, thất lạc, thay đổi thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư được truyền đưa, lưu trữ trên không gian mạng;

a) Cố ý thay đổi, hủy bỏ hoặc làm vô hiệu hóa biện pháp kỹ thuật được xây dựng, áp dụng để bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư;

a) Đưa lên không gian mạng những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trái quy định của pháp luật;

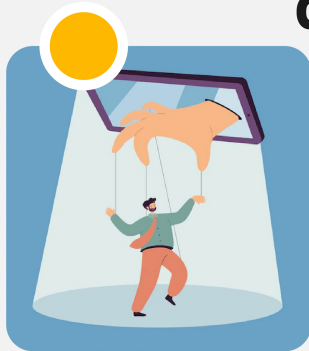
a) Cố ý nghe, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại;

a) Hành vi khác cố ý xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư.



TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

Phần IV: Hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng (2) (quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng)



01. Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:

- ✗ Tổ chức, hoạt động, cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- ✗ Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;
- ✗ Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;
- ✗ Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;
- ✗ Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

02.

Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

03. Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.



04. Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

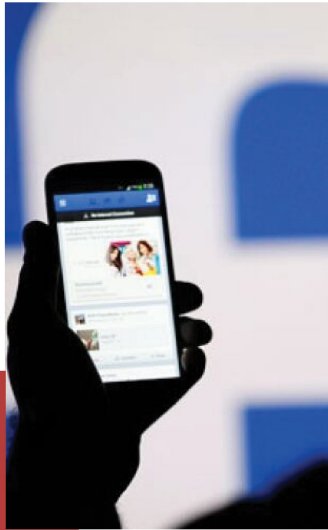
05. Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.



TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN



Phần V: Quy định xử phạt hành chính đối với hành vi đăng bài vu khống, xúc phạm người khác trên mạng xã hội

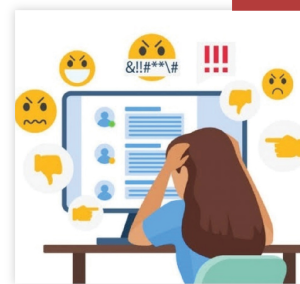


Xử phạt hành chính với hành vi vu khống, xúc phạm người khác trên mạng xã hội được quy định theo khoản 1 Điều 101 Nghị định 15/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Phạt tiền từ **10.000.000 đồng** đến **20.000.000 đồng**

Đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để thực hiện một trong các hành vi sau:

- 1 Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân;
- 2 Cung cấp, chia sẻ thông tin cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan, dâm ô, đồi trụy, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc;
- 3 Cung cấp, chia sẻ thông tin miêu tả tỉ mỉ hành động chém, giết, tai nạn, kinh dị, rùng rợn;
- 4 Cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong Nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc;
- 5 Cung cấp, chia sẻ các tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc chưa được phép lưu hành hoặc đã có quyết định cấm lưu hành hoặc tịch thu;
- 6 Quảng cáo, tuyên truyền, chia sẻ thông tin về hàng hóa, dịch vụ bị cấm;
- 7 Cung cấp, chia sẻ hình ảnh bản đồ Việt Nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia;
- 8 Cung cấp, chia sẻ đường dẫn đến thông tin trên mạng có nội dung bị cấm.



Tuy nhiên

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định Điều 101 trên là quy định áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

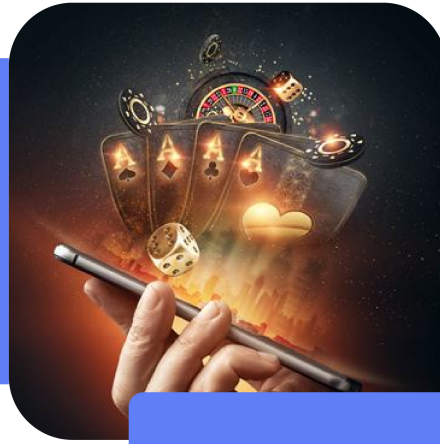


Như vậy hành vi vu khống, xúc phạm người khác có thể bị phạt vi phạm hành chính lên tới **20.000.000 đồng** nếu hành vi gây ra bởi tổ chức, nếu là cá nhân gây ra hành vi vi phạm đó có thể bị phạt lên tới **10.000.000 đồng**.



TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

Phần VI: Các hình thức xử phạt đối với hành vi đánh bài online



Đánh bài online là gì?

...

Đánh bài online là việc các đối tượng (con bạc) nạp tiền vào game trực tuyến bằng bất cứ hình thức nào và thực hiện việc đánh, thu tiền ảo về thông qua những trò chơi đó hoặc vẫn là hành vi đánh bạc thông thường nhưng sử dụng mạng, trang web online để đánh bạc và có việc sử dụng tiền để đánh bạc thông thường đó.



Căn cứ khoản 2, Điều 321, Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017, Công văn 196/TANDTC-PC do Tòa án Nhân dân tối cao ban hành ngày 04/9/2018, theo đó: Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội đánh bạc được hiểu là việc sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông và các phương tiện điện tử để đánh bạc trực tuyến, tạo ra các chiêu bạc online; Tổ chức đánh bạc, gá bạc.

Mức phạt hình sự

...

Đối với hành vi đánh bài online bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 321, Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 sẽ bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm đối với:

Số tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

Dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này; hành vi tổ chức đánh bạc, gá bạc quy định tại Điều 322 của Bộ luật này;

Đã bị kết án về tội này hoặc tội tổ chức đánh bạc, gá bạc quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm,

Đối với hành vi đánh bạc qua mạng internet, mạng viễn thông thì mức phạt cho hành vi này là 03-07 năm tù.

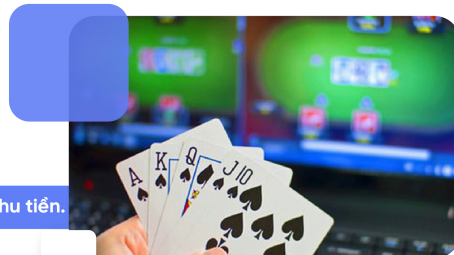


Mức phạt hành chính

...

Căn cứ Điểm b, khoản 2, Điều 28, Nghị định 144/2021/NĐ-CP người thực hiện hành vi đánh bạc trái phép qua máy, trò chơi điện tử sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 – 2.000.000 đồng;

Ngoài ra có thể kèm theo hình thức phạt bổ sung là tịch thu tiền.



TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

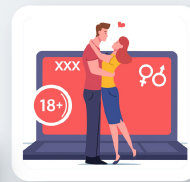


Phần VII: Quy định về xử phạt hình sự đối với hành vi truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy

Theo quy định tại khoản 1 Điều 326 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi 2017:

01. Người nào làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, mua bán, tàng trữ nhằm phổ biến sách, báo, tranh, ảnh, phim, nhạc hoặc những vật phẩm khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy hoặc hành vi khác truyền bá vật phẩm đồi trụy thuộc một trong các trường hợp sau đây, **thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:**

- ✗ Dữ liệu được số hóa có dung lượng từ 01 gigabyte (GB) đến dưới 05 gigabyte (GB);
- ✗ Ảnh có số lượng từ 100 ảnh đến dưới 200 ảnh;
- ✗ Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng từ 50 đơn vị đến dưới 100 đơn vị;
- ✗ Phổ biến cho từ 10 người đến 20 người;
- ✗ Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.



02. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, **thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:**

- ✗ Có tổ chức;
- ✗ Dữ liệu được số hóa có dung lượng từ 05 gigabyte (GB) đến dưới 10 gigabyte (GB);
- ✗ Ảnh có số lượng từ 200 ảnh đến dưới 500 ảnh;
- ✗ Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng từ 100 đơn vị đến dưới 200 đơn vị;
- ✗ Phổ biến cho từ 21 người đến 100 người;
- ✗ Phổ biến cho người dưới 18 tuổi;
- ✗ Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội;
- ✗ Tái phạm nguy hiểm.

03. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, **thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:**

- ✗ Dữ liệu được số hóa có dung lượng 10 gigabyte (GB) trở lên;
- ✗ Ảnh có số lượng 500 ảnh trở lên;
- ✗ Sách in, báo in hoặc vật phẩm khác có số lượng 200 đơn vị trở lên;
- ✗ Phổ biến cho 101 người trở lên.



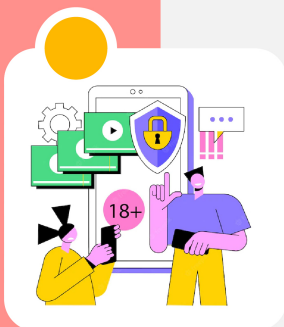
04. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

TÀI LIỆU PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN MẠNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN



Phần VIII: Bảo vệ trẻ em trên không gian mạng (quy định tại Điều 29 Luật An ninh mạng)

01. Trẻ em có quyền được bảo vệ, tiếp cận thông tin, tham gia hoạt động xã hội, vui chơi, giải trí, giữ bí mật cá nhân, đời sống riêng tư và các quyền khác khi tham gia trên không gian mạng.



02.

Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng có trách nhiệm kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống thông tin hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp để không gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; ngăn chặn việc chia sẻ và xóa bỏ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; kịp thời thông báo, phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để xử lý.

03.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên không gian mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong bảo đảm quyền của trẻ em trên không gian mạng, ngăn chặn thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em theo quy định của Luật này và pháp luật về trẻ em.

04.

Cơ quan, tổ chức, cha mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và cá nhân khác liên quan có trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em, bảo vệ trẻ em khi tham gia không gian mạng theo quy định của pháp luật về trẻ em.

05.

Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và các cơ quan chức năng có trách nhiệm áp dụng biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi sử dụng không gian mạng gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em.

Chịu trách nhiệm nội dung

LÊ THÀNH CUNG – GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NINH

Người trình bày – minh họa

LÃ ĐÔNG – Công ty TNHH Công Nghệ và Năng lượng G.T.P

Người biên tập, chỉnh sửa nội dung

ĐỖ THANH HẢI – PHÒNG TỔNG HỢP VÀ PBGDPL, SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NINH

Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh số 177/GPXB-STTTT
do Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022

Thời gian nộp lưu chiểu: Tháng 12 năm 2022

Thiết kế tại Công ty TNHH Công Nghệ và Năng lượng G.T.P,
địa chỉ: Tổ 11, khu 3, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh